

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		CLO+TD3	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
2		TD2+TD1	7:25	11+11	0+0		0+22	0+0	
3		TD1+TD5	9:25	8+13	0+0		8+14	0+0	
4		TD3+TD1	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - TD3	CREW: Dương - NPhú - THỦ	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	18-19	2	8	10	75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM TẤT LỰC	CLO	02-03	2	9		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH THỦ	CLO	94-95	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
4	TÔ ANH TUẤN	CLO	10	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN QUYÊN	CLO	16-17	2	13		65	YTE	Vietnamese
6	PHẠM MINH HOANG	CLO	98-99	2	16		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	CLO	20	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	09	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MINH HIỆP	CLO	01,300	2	18		75	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN LUẬN	CLO	96-97	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN THANH TÂM	CLO	15	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	04-05	2	14		81	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	11	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	12-14	3	20		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN MẠNH	CLO	08	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN VĂN TRÌNH	CLO	06-07	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG CÔNG ĐANH	CLO	21	1	10	24	72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MẠNH	CLO	22	1	14	67	60	DVL	Vietnamese
19	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	57	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	61	1	9		105	KHOAN	Vietnamese
21	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	58-59	2	15		93	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẠO TIỀN THIẾT	TD3	60	1	7		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	29	193	1.251	101	17		
2	TD3	4	5	35	329	0	5		
TOTAL		22	34	228	1.580	101	22		
WEIGHT KG				228	1.580	101			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2023	TO: TD2 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

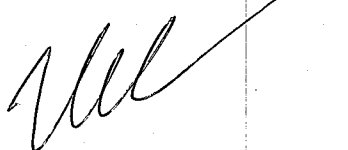
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HAN CONG VIEN	TD2	64	1	5	7	74	CODIEN	Vietnamese
2	ĐOAN MINH QUANG	TD2	48-49	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM DUY CHUNG	TD2	47	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
4	QUÁCH THANH ĐỘ	TD2	46	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KHUÔNG	TD2	52	1	9	20	67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN HOANG	TD2	55	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN TUẤN	TD2	50-51	2	12		57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THĂNG	TD2	56-57	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TU KHA	TD2	58-59	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TRUNG	TD2	60-61	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO NHẬT QUI	TD2	62-63	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOAN MẠNH CƯỜNG	TD1	74	1	9	87	71	SEAMAP	Vietnamese
13	GIMRANOV MAXIM	TD1	63	1	9		88	VTB	Russian
14	NGUYỄN VĂN TUYỀN	TD1	69	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGỌC QUANG	TD1	73	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO QUANG LỤC	TD1	68	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THANH	TD1	67	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC THAI	TD1	70	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOAN TUẤN TU	TD1	71	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	66	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
21	LẠI ĐỨC LAM	TD1	72	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	65	1	3		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	17	126	773	27	0		
2	TD1	11	11	61	783	87	22		
TOTAL		22	28	187	1.556	114	22		
WEIGHT KG				187	1.556	114			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2023	TO: TD1 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Duong - NPhú - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

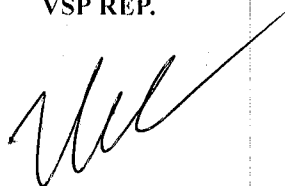
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THANH CÔNG	TD1	86-87	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN PHI HUNG	TD1	84	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ QUY VINH	TD1	88	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VIỆT THANH	TD1	83	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	KARAVKA IVAN	TD1	95	1	15		109	KHOAN	Russian
6	KOSHELEV PAVEL	TD1	89	1	5		88	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VĂN BAO	TD1	85	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
8	ĐAO KIM NHAT MINH	TD1	82	1	7	40	58	SEAMAP	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	03-04	2	12	35	72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DUY TÂM	TD5	61	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TÂN VINH	TD5	700,01	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VĂN BÌNH	TD5	62	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VINH TRA	TD5	69	1	13		64	KHOAN	Vietnamese
15	HÀ QUỐC DUNG	TD5	59	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGỌC CUÔNG	TD5	05	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	65-66	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ NGUYEN GIÁP	TD5	67-68	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH ĐẶC MINH	TD5	58	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
20	CHU ĐÌNH THANH	TD5	60	1	8		52	DVL	Vietnamese
21	TRẦN THAI AN	TD5	63-64	2	15		74	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD5	02	1	16		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	9	59	696	40	8		
2	TD5	13	18	133	924	35	14		
TOTAL		22	27	192	1.620	75	22		
WEIGHT KG				192	1.620	75			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2023	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH THOẠI	TD3	69	1	6		97	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	66	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	74	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	63	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CAO HOANG	TD3	64	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	IUKHIMCHUCK A.	TD3	70	1	7		84	KH-THAC	Russian
8	PHẠM THẾ QUANG	TD3	71	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC SANG	TD3	76	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD3	72	1	10		136	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	75	1	5		70	DVL	Vietnamese
12	PHAN THANH TÍNH	TD3	77-78	2	18		68	DVL	Vietnamese
13	HOANG GIANG LAM	TD3					82	PSV	Vietnamese
14	ĐO XUAN CHÍNH	TD3	79-80	2	18		68	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG TÂM	TD3	68	1	7		68	PSV	Vietnamese
16	PHAN CHÍNH QUY	TD3	73	1	8		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	65	1	5		78	PSV	Vietnamese
18	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	41	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	40	1	9	90	72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	TD1	42	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG PHÚC	TD1	37-38	2	18		82	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	18	136	1.329	0	16		
2	TD1	4	5	36	286	90	6		
TOTAL		21	23	172	1.615	90	22		
WEIGHT KG				172	1.615	90			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBIT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+TD2	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
2		RP3+RP2	9:25	13+9	0+0		7+14	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP1 - TD2	CREW: VThắng - Sơn - PTUẤN	ETA: 09:20
xanh-1			

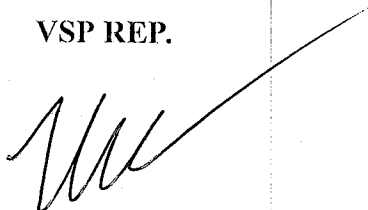
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DOÁN BÌNH	RP1	96-97	2	19		83	NIPI	Vietnamese
2	ĐÀO HAI NAM	RP1	98-99,500	3	19	80	70	NIPI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP1	92	1	5		80	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	RP1	91	1	5		55	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN QUY	RP1	95	1	10		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH GIAU	RP1	94	1	3		70	PSV	Vietnamese
8	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	74	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH DUY HAI	TD2	77	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	45	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẬP TOÀN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUẤN ANH	TD2	70	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	78-79	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MINH ĐỨC	TD2	68	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	75	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	69	1	9	35	76	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	67	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	71	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	73	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MINH	TD2	76	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
21	CU THANH NHAN	TD2	66	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD2	72	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	10	66	498	80	5		
2	TD2	15	15	74	1.010	35	17		
TOTAL		22	25	140	1.508	115	22		
WEIGHT KG				140	1.508	115			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2023	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - PTUẤN	ETA: 11:40
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	93-94	2	10		65	KHI	Vietnamese
2	ĐÀU ĐÌNH TÂN	RP3	92	1	5		61	KHI	Vietnamese
3	ĐÌNH VIỆT HAI	RP3	95-96	2	19		72	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THIÊM	RP3	87	1	7		78	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	RP3	91-92	2	13	75	78	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC NHẬT	RP3	94	1	10		70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	RP3	83-84	2	9		55	KHI	Vietnamese
8	BUI VĂN TUẤN	RP3	88	1	6		70	PSV	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN AN	RP3	86	1	7		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	RP3	90	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	RP3	89	1	6		74	PSV	Vietnamese
12	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	85	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HIẾU	RP3	93	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	HOANG MINH SƠN	RP2	48	1	12		74	ANTOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUẤT	RP2	56	1	13		82	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA HIẾU	RP2	49	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RP2	54-55	2	19		58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP2	57-58	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP2	52-53	2			53	NIPI	Vietnamese
20	PHẠM HOANG LONG	RP2	50-51	2	17		78	NIPI	Vietnamese
21	TÀ QUANG QUYÊN	RP2	59	1	8		96	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	RP2	47	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	17	107	880	75	7		
2	RP2	9	13	115	647	0	14		
TOTAL		22	30	222	1.527	75	21		
WEIGHT KG				222	1.527	75			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+BK10+TD3	7:25	5+0+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 P3-BK10
2		RC5+TD5	7:25	7+15	0+0		4+17	0+0	
3		RP1+RCDM	7:25	14+8	0+0		14+7	0+0	
4		RP3+CTK3	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
5		VSP02+RC3	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
6		RC4+P7+P4	9:25	10+4+7	0+0+0		5+1+12	0+0+0	
7		CLO+P9+VSP02	11:25	3+1+17	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
8		RP3+P2+BK3	11:25	21+0	0+0		11+10	0+0	chuyen 2 P2-BK3
9		RC4+RP1+RC3	11:25	11+9	0+0		2+14	0+0	chuyen 3 RC4-Rp1
10		RC6+RC8+RC5	13:25	10+6+5	0+0+0		9+5+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	TO: P3 - BK10 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

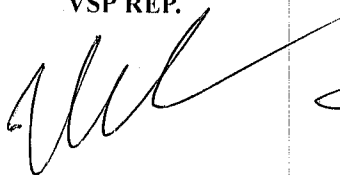
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO ĐỨC THAI	P3	67	1	20	35	88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUÝ TÀI	P3	66	1	11		56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ HẠNH	P3	63	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN LINH	P3	64-65	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
5	VUÔNG ĐỨC HUY	P3	70	1	16		100	PSV	Vietnamese
6	LA THANH	TD3	01	1	5	25	71	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	90	1	5	16	73	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ NGỌC THÀNH	TD3	91-92	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH DUNG	TD3	93	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	88	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	89	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG BANG	TD3	87	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
13	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	97	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	95-96	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC BAO TU	TD3	94	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG THANH TỬ	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	HA VĂN TRƯỞNG	TD3	83	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD3	82	1	17		84	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ HỒNG VĂN	TD3	84-85	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN TUẤN	TD3	86	1	18		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

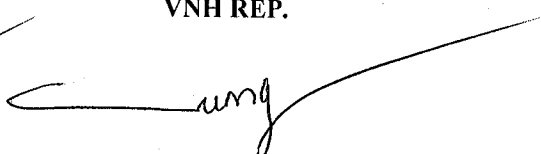
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	6	77	384	35	42		CHUYEN 2 KHACH TU P3 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	21	0		
3	TD3	16	17	131	1.152	41	21		
TOTAL		21	23	208	1.536	97	22		
WEIGHT KG				208	1.536	97			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

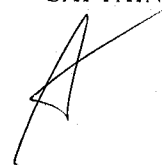
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: RC5 - TD5	CREW: TUYỀN - N.Cường - Vũ	ETA: 00:20
xanh-1			

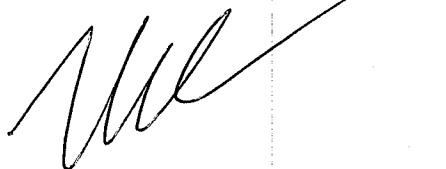
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MISHIN ALEKSANDR	RC5	10	1	5		105	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN ANH TUẤN	RC5	24	1	2	60	70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	RC5	28	1	3		75	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC5	25-26	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO THANH HỢP	RC5	11	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI QUỐC VIỆT	RC5	23	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ TIỀN DŨNG	RC5	27	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	13	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	16	1	3	50	70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	20	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ THANH TÙNG	TD5	09-10	2	9		85	KHOAN	Vietnamese
12	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	19	1	11		98	KHOAN	Russian
13	ĐẠO QUANG MINH	TD5	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	TU ĐƯƠNG DŨNG	TD5	08	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	CAO ĐỨC HAI	TD5	11	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ VĂN TIẾN	TD5	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HAI	TD5	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN THUY	TD5	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	21	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	18	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
21	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	12	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
22	LE TIEN DUONG	TD5	15	1	11		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	8	44	549	60	4		
2	TD5	15	16	90	1.090	50	18		
TOTAL		22	24	134	1.639	110	22		
WEIGHT KG				134	1.639	110			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

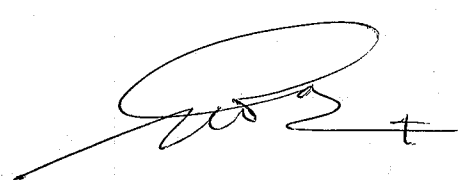
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP1 - RCDM	CREW: HÙNG - HTrung - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

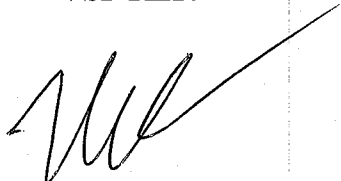
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	51	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	RP1	52	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NGỌC LONG	RP1	55	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	54	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN THANH	RP1	57	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRI KHANH	RP1	53	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ BÀ NẾP	RP1	59	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	56	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	58	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RP1	63	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠNG THANH DÂN	RP1	60	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HUU SON	RCDM	36	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN BUI NAM	RCDM	58-59	2	12	60	95	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU TIEN BINH	RCDM	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH MINH TRI	RCDM	37	1	6		49	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGŨ	RCDM	54	1	5		80	T-TIN	Vietnamese
20	LÊ VĂN LỢI	RCDM	56-57	2	14	50	57	T-TIN	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	60	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

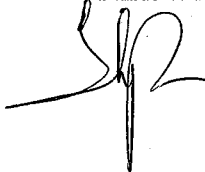
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	14	13	79	982	20	15		
2	RCDM	7	9	54	503	110	7		
TOTAL		21	22	133	1.485	130	22		
WEIGHT KG				133	1.485	130			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

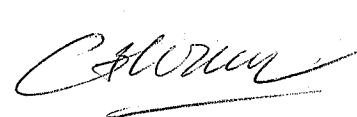
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: RP3 - CTK3	CREW: TUYỀN - N.Cường - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

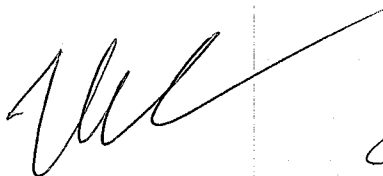
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	08	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG VĂN PHỒ	RP3	24	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	14-15	2	8		79	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TÂN CHÂU	RP3	13	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	09	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐỨC THANH	RP3	11-12	2	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUY HẢI	RP3	25	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	01-02	2	15	20	66	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	26	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	16	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TRANG	RP3	18-19	2	13		72	KHI	Vietnamese
12	PHẠM THANH HIỀN	RP3	17	1	7		63	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH PHÁT	RP3	20-21	2	8		65	KHI	Vietnamese
14	PHAN VĂN CHÍNH	RP3	22-23	2	8		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG ANH	RP3	03	1	7		67	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MINH	RP3	04-05	2	11		77	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HẢI VĂN	RP3	10	1	7		75	KHI	Vietnamese
18	HỒ HỮU PHƯƠNG	RP3	06	1	10		69	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HÙNG	RP3	07	1	8		76	KHI	Vietnamese
20	KHÔNG TIỀN DUNG	RP3	27	1	6		74	KHI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TỰ	CTK3	97-98	2	24	60	61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	27	163	1.462	20	20		
2	CTK3	1	2	24	61	60	2		
TOTAL		21	29	187	1.523	80	22		
WEIGHT KG				187	1.523	80			

GRAND TOAL: 1.770 KGS + 20 kg

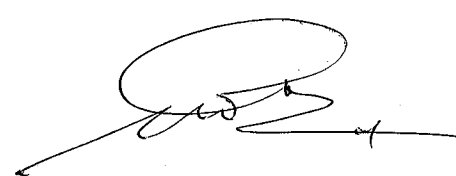
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	TO: VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH HÙNG	VSP02	40	1	5		78	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU NHAN	VSP02	56	1	7	30	70	NIPI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DŨ	VSP02	52-53	2	12		75	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	46-47	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	SERGIENKO S	VSP02	41	1	5		81	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DUCHENKO A	VSP02	42	1	5		132	KH-THAC	Russian
9	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	38-39	2	19		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO QUỐC TRINH	VSP02	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY QUANG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	50	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CHIẾN THĂNG	VSP02	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	45	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ THAI SƠN	VSP02	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

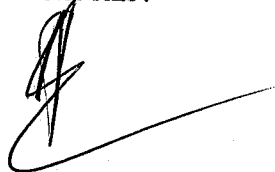
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	22	122	1.598	30	22		
	TOTAL	22	22	122	1.598	30	22		
	WEIGHT KG			122	1.598	30			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	TO: RC4 - P7 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	RC4	47	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VAN ĐỨC	RC4	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV S.	RC4	48	1	7		100	KH-THAC	Russian
4	TRẦN MINH THI	RC4	53	1	10	40	110	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG TIN	RC4	98	1	12	12	95	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG TRUNG HIẾU	RC4	54-55	2	15	20	71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	51	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG NHẬT THANH	RC4	52	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RC4	45	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG ĐÌNH HÒA	RC4	49-50	2	12		48	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC ĐẠI	P7	79-80	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P7	81	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH LUÂN	P7	82	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
14	VU ANH TUÂN	P7	78	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CAO	P4	59	1	13		68	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
16	TRẦN CAO TUÂN	P4	57	1	8		67	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
17	NÔNG MINH HAI	P4	62	1	11		72	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
18	MAI ĐÌNH KHANG	P4	58	1	12		50	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
19	LƯU VĂN DÂN	P4	60	1	14		64	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
20	CAO XUÂN DŨNG	P4	61	1	10		76	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRI PHƯỚC	P4	56	1	7		74	CỎ ĐIỆN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	10	12	85	794	72	5		
2	P7	4	5	50	281	0	1		
3	P4	7	7	75	471	0	12		
TOTAL		21	24	210	1.546	72	18		
WEIGHT KG				210	1.546	72			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

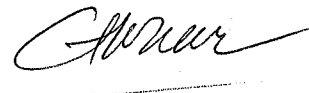
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: CLO - P9 - VSP02	CREW: VThắng - Sơn - QTrưởng	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ÔNG VĂN NĂM	CLO	42	1	13		58	BAKER HU	Vietnamese
2	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	CLO	59-60	2	18		65	BAKER HU	Vietnamese
3	ĐO GIA LƯỢNG	CLO	43	1	9		100	BAKER HU	Vietnamese
4	KARPUNIN ALEXEY	CLO	58	1	5		90	KHOAN	Russian
5	HA MẠNH THẮNG	VSP02	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI HUY BINH	VSP02	68-69	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ VĂN HUNG	VSP02	76	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	62	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HỮU TRI	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	64-65	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	32	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LŨ SƠN	VSP02	66-67	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	74	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	58	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	75	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TÂN LINH	VSP02	63	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HẠNH	VSP02	77-78	2	18	20	70	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN GIANG	VSP02	72-73	2	19		55	CODIEN	Vietnamese
20	PHUNG BÀ ĐỀ	VSP02	70-71	2	8		72	CODIEN	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	VSP02	59,60	2	19		70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	5	45	313	0	0		
2	P9	0	0	0	0	0	4		
3	VSP02	17	22	152	1.144	20	18		
TOTAL		21	27	197	1.457	20	22		
WEIGHT KG				197	1.457	20			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	TO: RP3 - P2 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Duong - ĐNam - NNam	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ANH KHANG	RP3	45-46	2	7		67	KHI	Vietnamese
2	PHAM MINH TOAN	RP3	49-50	2	17		59	YTE	Vietnamese
3	TRAN SY DIEP	RP3	38	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TAT THANH	RP3	35	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG HAI HA	RP3	30	1	18		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUOC CHE	RP3	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	RP3	48	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HIEN	RP3	37	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN TIEN	RP3	51	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG HUNG	RP3	44	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU MAU	RP3	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC CHAN	RP3	47	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN CUONG	RP3	52	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ THANH LAM	RP3	36	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DUY NHIEN	RP3	34	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH QUANG THANH	RP3	32	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TAN NGON	RP3	40	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HO	RP3	42	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG HUNG	RP3	43	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VIET HUNG	RP3	41	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH BINH	RP3	39	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

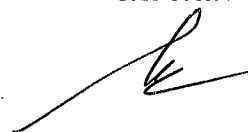
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	23	145	1.474	0	11		CHUYEN 1 PAX P2-BK3
2	P2	0	0	0	0	60	10	1	
3	BK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	23	145	1.474	60	22		
WEIGHT KG				145	1.474	60			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: RC4 - RP1 - RC3	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 14:10
Xanh - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CAO MONG	RC4	87	1	7		58	PSV	Vietnamese
2	PHAN VĂN HỒNG	RC4	88	1	6		70	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN DUY DUONG	RC4	85-86	2	22	50	67	XAYLAP	Vietnamese
4	DANG QUANG THOI	RC4	91-92	2	21		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THANH CHUONG	RC4	93-94	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ CÔNG BÌNH	RC4	89-90	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DUY TIEN	RC4	96-97	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM MẠNH HAI	RC4	95	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN SỸ	RC4	61	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH DŨNG	RC4	59-60	2	16	34	75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH LINH	RC4	57-58	2	17		79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TOAN	RP1	74	1	9	24	78	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ VĂN ĐÔNG	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN XUÂN THÀNH	RP1	73	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	72	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	67	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	VU ĐÌNH ĐẠI	RP1	65	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ QUỐC VINH	RP1	66	1	4		69	PSV	Vietnamese
20	LÀ VĂN TÔI	RP1	69-71	3	14		92	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	11	18	162	767	84	2	+3	CHUYEN 3 PAX RC4-RP1 THAO 01 GHE DOI CHO THUC PHAM
2	RP1	9	10	60	643	24	12		
3	RC3	0	0	0	0	33	4		
TOTAL		20	28	222	1.410	141	18		
WEIGHT KG				222	1.410	141			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Thick

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2023	TO: RC6 - RC8 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - QTrưởng	ETA: 16:20
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG TUAN ANH	RC6	69	1	8	25	89	CODIEN	Vietnamese
2	DO VAN QUANG	RC6	70	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
3	DUONG HUU THUAN	RC6	68	1	7	82	63	CODIEN	Vietnamese
4	HO DINH THONG	RC6	72-73	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
5	LE BA QUYEN	RC6	64-65	2	9	9	58	XAYLAP	Vietnamese
6	LE XUAN HAI	RC6	62	1	15	17	92	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HAN	RC6	63	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LA	RC6					69	KH-THAC	Vietnamese
9	TU TUAN TU	RC6	66-67	2	7		89	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG TUYEN	RC6	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH MINH SANG	RC8	92	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUY TOAN	RC8	89	1	3	20	58	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG TUAN ANH	RC8	90	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TU	RC8	94	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TAT TAM	RC8	91	1	5		54	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HAI	RC8	93	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HO DINH LOC	RC5	47	1	7		82	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HUY	RC5	52	1	15		87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HA	RC5	51	1	10		73	PSV	Vietnamese
20	VO HUY HOANG	RC5	48	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
21	VO QUOC THONG	RC5	49-50	2	13		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	10	12	90	731	148	9		
2	RC8	6	6	37	410	20	5		
3	RC5	5	6	59	405	0	5		
TOTAL		21	24	186	1.546	168	19		
WEIGHT KG				186	1.546	168			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN